

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Kim, ngày 25 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG KIM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4272/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/NQ-HĐND ngày 21/8/2021 của HĐND xã Hoàng Kim về việc giao cho UBND xã thực hiện một số nhiệm vụ Quyền hạn của HĐND xã về đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND xã Hoàng Kim về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024, nguồn vốn ngân sách cấp xã (lần 2);

*Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND xã Hoàng Kim về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng số 646/TĐ-KT&HT ngày 16/10/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa về việc thẩm định Báo cáo KTKT công trình: Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa;*

*Xét đề nghị của Công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa; với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Sơn, xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa.

**2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình:** Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

**3. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư:** UBND xã Hoàng Kim.

**4. Chủ đầu tư:** UBND xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa.

**5. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo KT-KT xây dựng công trình:** Công ty cổ phần tư vấn XD và TM Hoàng Kim.

**6. Nhà thầu thẩm tra:** Không

**7. Đơn vị thẩm định:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hóa.

**8. Mục tiêu đầu tư:** Kiên cố hóa đường giao thông nội đồng, đảm bảo thuận lợi cho nhân dân đi lại sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; nâng cao tiêu chí xây dựng thôn kiểu mẫu, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

**9. Địa điểm xây dựng:** Xã Hoàng Kim, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**10. Quy mô và giải pháp thiết kế:**

**a. Quy mô đầu tư:** Thiết kế nâng cấp, cải tạo 3 tuyến đường với mặt đường bê tông xi măng với quy mô đường giao thông nông thôn loại C theo TCVN 10380:2014 với tổng chiều dài L=350,31m. Cụ thể như sau:

- Tuyến 01: Tuyến đường từ đường Kim Xuân (cũ) đi xứ Đồng Cát 1 với chiều dài tuyến là 88,84m. Điểm đầu Km 0+0,00 giáp đường Kim Xuân (cũ). Điểm cuối Km 0+88,84 giáp xứ Đồng Cát 1.

- Tuyến 02: Tuyến đường từ đường Kim Xuân (cũ) đi xứ Đồng Cát 2 với chiều dài tuyến là 176,17m. Điểm đầu Km 0+0,00 giáp đường Kim Xuân (cũ). Điểm cuối Km 0+176,17 giáp xứ Đồng Cát 2.

- Tuyến 03: Tuyến đường từ đường Kim Xuân (cũ) đi khu Đồng Cát Sâu với chiều dài tuyến là 85,30m. Điểm đầu Km 0+0,00 giáp đường Kim Xuân (cũ). Điểm cuối Km 0+85,30 giáp Đồng Cát Sâu.

**b. Giải pháp thiết kế:**

**\* Thiết kế bình đồ tuyến:**

- Bình đồ tuyến cơ bản bám theo đường cũ hiện tại.

**\* Thiết kế trắc dọc tuyến:**

- Trắc dọc tuyến đường được thiết kế theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa với cao độ mặt đường hiện trạng, bám sát địa hình tự nhiên và kết hợp hài hòa giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, đảm bảo xây dựng công trình trên tuyến, đảm bảo các tiêu chuẩn thiết kế theo các quy phạm hiện hành, đảm bảo tiêu thoát nước được hiệu quả.

- Theo số liệu đo đạc kiểm tra thực tế về cao độ cắt dọc tuyến đường hiện tại sẽ thiết kế kẻ đường đổ công trình thoát nước cho phù hợp, đảm bảo chất lượng công trình

**\* Thiết kế trắc ngang tuyến đường:**

- Vận tốc tính toán  $V_{tt} = 15\text{Km/h}$ .
- Bề rộng mặt đường:  $B_m = 3,00\text{ (m)}$ .
- Bề rộng nền đường:  $B_n = 4,00\text{ (m)}$ .
- Bề rộng lề đất:  $B_l = 2 \times 0,5\text{ (m)}$ .
- Độ dốc ngang mặt đường:  $I = 2\%$ .
- Độ dốc ngang lề đất:  $I = 4\%$ .

**\* Kết cấu áo đường:**

Công trình áp dụng các loại kết cấu như sau:

- Bê tông xi măng M200 đá 1x2 dày 16cm.
- Lót bạt nilon tái sinh.
- Cát đệm tạo phẳng dày 3cm.
- Đất nền đầm chặt K95.
- Đào bóc lớp đất hữu cơ và đắp hoàn trả.

**\* Tính toán khối lượng mặt cắt ngang:**

- Đắp nền K95: Phần diện tích trên mặt cắt ngang giới hạn giữa phần mặt đường thiết kế đã trừ đi diện tích bù vênh và khuôn đường với nền thiên nhiên có tính thêm phần diện tích đắp mái taluy.

- Đào nền: Phần diện tích giới hạn giữa nền thiên nhiên và đường thiết kế (phần mái taluy).

- Đào khuôn: Phần diện tích chiếm chỗ của kết cấu mặt đường và kết cấu gia cố lề nằm dưới đường thiên nhiên.

- Đất nền đầm chặt K95: Phần diện tích đất đắp dưới lớp cát đệm.

*(Chi tiết có Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật kèm theo)*

**11. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:**

**a. Tổng mức đầu tư (làm tròn):** **494.439.000 đồng**

*(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)*

*Trong đó:*

- Chi phí xây lắp:	411.167.108 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	12.433.693 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	43.975.611 đồng
- Chi phí khác:	3.318.305 đồng
- Chi phí dự phòng:	23.544.736 đồng

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**b. Nguồn vốn:** Ngân sách cấp trên hỗ trợ, ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

**12. Thời gian thực hiện:** 2024-2025.

**13. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước.

**Điều 2.** Giao các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng; Thông báo số 646/TĐ-KT&HT ngày 16/10/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hoàng Hoá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, Tài chính kế toán và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (T/h);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Thành**

## PHỤ BIỂU MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Kim)

### CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN KIM SƠN, XÃ HOÀNG KIM, HUYỆN HOÀNG HÓA

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>			<b>380.710.285</b>	<b>30.456.823</b>	<b>411.167.108</b>	<b>Gxd</b>
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính			380.710.285	30.456.823	411.167.108	
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,024%</b>	<b>(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>11.512.679</b>	<b>921.014</b>	<b>12.433.693</b>	<b>Gqlda</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>40.718.159</b>	<b>3.257.452</b>	<b>43.975.611</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			7.965.654	637.252	8.602.906	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,4%	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	20.558.355	1.644.668	22.203.023	
3.3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,203%	Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	12.194.150	975.532	13.169.682	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>			<b>3.318.305</b>		<b>3.318.305</b>	<b>Gk</b>
4.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	500.000		500.000	
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	2.818.305		2.818.305	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>					<b>23.544.736</b>	<b>Gdp</b>
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%	(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			23.544.736	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>436.259.428</b>	<b>34.635.289</b>	<b>494.439.453</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>					<b>494.439.000</b>	

**Bảng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng./.**